**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**
**TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày 25/6/2020
*V/v "Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chuyên.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Mai Văn Thuận
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1967 – Chủ hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B; Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Thạnh B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Danh S, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Vào năm 2015 hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B do ông làm chủ có bán phân bón vật tư nông nghiệp cho ông Danh S, ông S xin nợ lại đến vụ luá sẽ thanh toán. Đến ngày 06/10/2015 ông và ông Danh S kết toán nợ với nhau, ông S thừa nhận nợ của ông số tiền 6.707.000 đồng, khi mua bán phân bón ông có ghi chép vào sổ cái, ghi một cuốn sổ nhỏ giao cho ông S giữ. Đã rất nhiều lần ông yêu cầu ông S thanh toán số tiền trên nhưng chỉ hứa mà không thực hiện. Tại phiên họp công khai chứng cứ ông được biết ông S chỉ thừa nhận còn thiếu của ông số tiền 2.000.000 đồng. Do không có

chứng cứ cung cấp cho Tòa án nên ông chấp nhận số tiền ông S đã thừa nhận trên. Nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.707.000 đồng, ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S trả cho ông số tiền gốc là 2.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08/9/2015 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020 ông Danh S thừa nhận có mua phân bón vật tư nông nghiệp của ông B nhưng số tiền còn thiếu là 2.000.000 đồng, chứ không phải số tiền 6.707.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn không thanh toán được nay ông xin trả số tiền là 2.000.000 đồng, còn phần lãi không có khả năng trả.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Thời hạn đưa ra xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy như sau: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 6.707.000 đồng và tính lãi suất. Tại phiên tòa hôm nay ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền ông S còn thiếu nêu trên. Tại bản tự khai ông S chỉ thừa nhận còn thiếu là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 4.707.000 đồng và phần tiền lãi, việc rút yêu cầu của ông B là tự nguyện nên đình chỉ đối với yêu cầu này. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông S phải trả cho ông B số tiền 2.000.000 đồng. Về án phí tính theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Ông Danh S đã được Tòa án triệu tập nhưng ông vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của ông S không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông S.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ông Danh S trả khoản tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 6.707.000 đồng. Theo như ông B trình bày ông S mua từ năm 2015,

thiếu nhiều lần cộng dồn và hai bên kết toán nợ vào ngày 06/10/2015 nhưng ông S hứa mà không trả, quá trình mua bán chỉ ghi sổ cái của ông nhưng ông S không ký tên, ông có giao cho ông S một cuốn sổ nhỏ dùng để đối chiếu, hiện ông S không thừa nhận việc lưu giữ sổ nhỏ, tại biên bản lấy lời khai ông S chỉ thừa nhận còn thiếu tiền mua phân bón của ông B là 2.000.000 đồng.

Xét về chứng cứ mà ông B cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa ông thừa nhận là tự ông ghi và báo lại cho phía ông S biết khoản nợ nhưng không được ông S thừa nhận. Như vậy, về mặt chứng cứ mà ông B cung cấp là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay ông B tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 4.707.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 08/9/2015 cho đến ngày xét xử. Ông chỉ yêu cầu ông S trả 2.000.000 đồng theo sự thừa nhận của ông S. Việc ông B rút yêu cầu trên là hoàn tự nguyện. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần yêu cầu này của ông B.

Áp dụng khoản 04 Điều 11, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015: Xử buộc ông Danh S trả cho Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu ông B được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông B theo quy định của pháp luật.

Ông Danh S phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 11, Điều 440 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1- Chập nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B đối với ông Danh S.

Xử buộc ông Danh S trả cho Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Đình chỉ yêu cầu của Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B đối với ông Danh S về việc trả số tiền 4.707.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất.

3- Về án phí: Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp B số tiền tạm ứng án phí là: 168.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3167 ngày 25/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Danh S phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày. Ông B được tính kể từ ngày tuyên án 25/6//2020. Ông S được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Chuyên**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã;*
- *Lưu hồ sơ*